



HOÀN THIÊN HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

BUI VĂN HUYỀN, NGÔ THỊ NGỌC ANH

Kể từ sau đại dịch COVID-19 đến nay, hệ thống an sinh xã hội Việt Nam đang đứng trước yêu cầu chuyển đổi nhanh chóng để góp phần vào phục hồi phát triển kinh tế, tăng khả năng ứng phó với các cú sốc. Hệ thống an sinh xã hội nước ta cũng phải nỗ lực chuyển đổi để thích ứng với những tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 và xu hướng già hoá dân số đang diễn ra mạnh mẽ. Bài viết tập trung vào các vấn đề nổi bật trong quá trình hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội ở nước ta để thích ứng với yêu cầu của bối cảnh kinh tế, xã hội mới.

Từ khóa: Việt Nam, An sinh xã hội, Cách mạng công nghiệp 4.0, già hoá dân số.

IMPROVING THE SOCIAL SECURITY SYSTEM IN VIETNAM IN THE NEW CONTEXT

Bui Van Huyen, Ngo Thi Ngoc Anh

Since the COVID-19 pandemic, Vietnam's social security system has been facing a requirement for rapid transformation to contribute to economic recovery and development and enhance resilience to shocks. Vietnam's social security system must also strive to transform to adapt to the impacts of the Fourth Industrial Revolution and the rapidly aging population trend. This article focuses on the prominent issues in the process of improving the social security system in our country to adapt to the requirements of the new economic and social context.

Keywords: Vietnam, social security, Fourth Industrial Revolution, aging population

Ngày nhận bài: 21/01/2025

Ngày hoàn thiện biên tập: 11/02/2025

Ngày duyệt đăng: 18/02/2025

Một số vấn đề an sinh xã hội ở nước ta hiện nay

Ở nước ta, đại dịch COVID-19 đã để lại những hậu quả nặng nề, không chỉ làm suy giảm kinh tế mà còn làm gia tăng tình trạng nghèo đói, thất nghiệp và bất bình đẳng trong xã hội. Rất nhiều vấn đề xã hội và an sinh xã hội nổi lên từ sau Đại dịch tác động mạnh đến hệ thống an sinh xã hội (ASXH) nước ta. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp vẫn còn thấp, đặc biệt là trong nhóm lao động phi chính thức. Ngoài ra, vấn đề già hóa dân số nhanh chóng cũng đặt ra nhiều thách thức đối với hệ

thống ASXH, khi mà nhu cầu chăm sóc sức khỏe và lương hưu cho người cao tuổi ngày càng gia tăng. Trong khi đó, nguồn lực tài chính cho các chương trình ASXH vẫn còn hạn chế. Các vấn đề ASXH trọng tâm từ sau Đại dịch cần phải kể đến, gồm:

Thứ nhất, dù tỷ lệ hộ nghèo đã giảm đáng kể trong những năm qua nhưng vẫn còn nhiều hộ gia đình sống trong tình trạng khó khăn, đặc biệt là ở các vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2024 là 1,93%; tổng số hộ nghèo là 599.608 hộ. Hai vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao là Trung du miền núi phía Bắc, với tổng số hộ nghèo là 283.413 hộ, chiếm 8,72% tổng số hộ trên địa bàn; và Tây Nguyên, với 72.330 hộ, chiếm 4,47%, Đông Nam Bộ là vùng có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất cả nước, với 0,09% tổng số hộ trên địa bàn (Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, 2025).

Số liệu thống kê về tình trạng nghèo ở nước ta cho thấy, hỗ trợ giải quyết việc làm cho người dân vẫn là nhiệm vụ trọng tâm để giảm nghèo bền vững ở nước ta hiện nay. Mặc dù, tỷ lệ thất nghiệp của Việt Nam năm 2024 giảm so với 2023, nhưng vẫn còn ở mức cao hơn những năm trước khi đại dịch COVID-19 diễn ra. Bên cạnh đó, tình trạng thiếu việc làm, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, ảnh hưởng lớn đến đời sống và an sinh xã hội của người dân. Số lao động làm các công việc bấp bênh, thiếu tính ổn định chiếm tỷ trọng lớn có xu hướng tăng lên. Số người có việc làm phi chính thức chung (bao gồm cả lao động làm việc trong hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản). Tính chung năm 2024, tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức là 64,6%, giảm 0,5 điểm phần trăm so với năm trước. Trong đó, khu vực



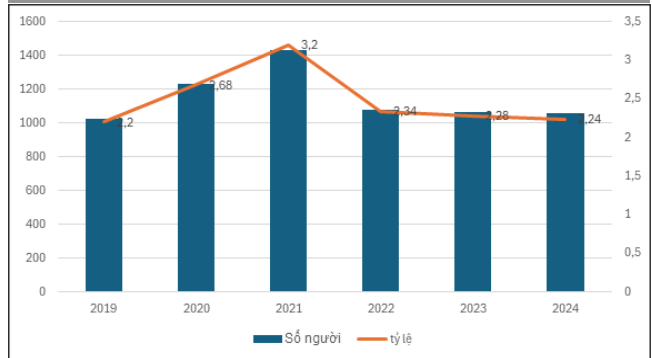
thành thị là 49,2%, giảm 0,5 điểm phần trăm; khu vực nông thôn là 74,1%, giảm 0,2 điểm phần trăm; nam là 67,6%, giảm 0,7 điểm phần trăm và nữ là 61,0%, giảm 0,5 điểm phần trăm (GSO, 2025). Lao động phi chính thức hầu hết không có bảo hiểm xã hội, chiếm 97,8%, dẫn đến tình trạng “lọt lưới” an sinh khi người lao động không được hưởng các dịch vụ ASXH cơ bản (Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam, ngày 01/10/2024).

Thứ hai, mặc dù tỷ lệ tham gia BHXH tăng nhưng mức độ bao phủ vẫn chưa như kỳ vọng. Tỷ lệ tham gia BHXH còn ít khiến khoảng trống về bao phủ hưu trí ở Việt Nam còn lớn. Tính đến cuối năm 2024, cả nước có khoảng 20,11 triệu người tham gia BHXH, tăng 9,2% so với năm 2023, đạt 42,71% so với lực lượng lao động trong độ tuổi, trong đó có khoảng 2,3 triệu người tham gia BHXH tự nguyện, đạt 4,9% lực lượng lao động trong độ tuổi (Nhân dân, 03/01/2025). Mặc dù đã vượt mục tiêu Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương đề ra đến năm 2025 (1,42%), nhưng sau 15 năm thực hiện Luật số 71/2006/QH11, thực hiện BHXH tự nguyện từ 01/01/2008, số người tham gia BHXH tự nguyện vẫn còn rất khiêm tốn. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến an sinh tuổi già của một bộ phận lớn dân cư sau này, nhất là trong xu hướng già hoá dân số đang diễn ra mạnh mẽ. Nghiên cứu của ILO (2023) chỉ ra rằng, nhiều người cao tuổi ở Việt Nam trong khoảng từ 60-79 tuổi không nhận được chế độ hưu trí nào. Nhóm người này sẽ gặp rủi ro an sinh xã hội nếu không tự đảm bảo được thu nhập từ nguồn khác hoặc từ hỗ trợ của người thân, gia đình.

Thứ ba, các chính sách trợ giúp xã hội đã không ngừng được bổ sung, hoàn thiện, nhưng đối tượng trợ giúp xã hội còn gặp nhiều khó khăn, trợ giúp xã hội chưa bao phủ hết các đối tượng theo quy định, mức hỗ trợ còn thấp. Các vấn đề của trợ giúp xã hội đã tồn tại từ lâu và chậm được khắc phục. Đại dịch COVID-19 làm nổi bật hơn nhưng bất cập trong hệ thống trợ giúp xã hội của Việt Nam. Theo thống kê so sánh của Ngân hàng Thế giới, Việt Nam có bao phủ trợ giúp xã hội thấp hơn so với nhiều nước khác. Theo đó, chi tiêu cho trợ giúp xã hội của Việt Nam, tính theo mức hưởng trên tổng phúc lợi của nhóm 20% nghèo nhất vẫn thấp hơn trung bình của nhóm nước thu nhập thấp và thấp hơn nhiều trung bình của nhóm nước có thu nhập trung bình thấp.

Thứ tư, các dịch vụ xã hội cơ bản đã có nhiều cải thiện nhưng việc tiếp cận dịch vụ và chất lượng dịch vụ vẫn còn khó khăn ở một số địa bàn, một số đối tượng. Khoảng cách về tiếp cận giáo dục phổ thông và các dịch vụ giáo dục khác giữa đồng bào dân tộc

HÌNH 1: TÌNH TRẠNG THẤT NGHIỆP Ở VIỆT NAM 2019-2024



Nguồn: GSO (2025)

thiểu số so với đồng bào người Kinh vẫn còn đáng kể. Tỷ lệ trẻ em đồng bào dân tộc thiểu số đến trường hiện nay thấp hơn mức bình quân của cả nước. Chính phủ đã có các chính sách hỗ trợ tăng cơ hội cho con em đồng bào dân tộc miền núi được đến trường, song mức hỗ trợ còn thấp so với nhu cầu thực tế. Cơ hội tiếp cận dịch vụ y tế cũng như nhà ở cũng có khoảng cách giữa các nhóm dân cư. Người dân ở khu vực nông thôn, miền núi gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận những dịch vụ y tế tiên tiến, hiện đại ở tuyến trên. Lao động nhập cư tại các khu công nghiệp tại các thành phố lớn, bà con đồng bào dân tộc thiểu số gặp khó khăn nhiều về nhà ở và tiếp cận nhà ở xã hội.

Yêu cầu đối với hệ thống an sinh xã hội Việt Nam

Việt Nam hiện đang trải qua nhiều xu hướng xã hội mới, phản ánh sự thay đổi trong cách sống, làm việc và tương tác của người dân. Sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông đang thúc đẩy chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực, của đời sống kinh tế, xã hội. Nhiều doanh nghiệp đang áp dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) và dữ liệu lớn để nâng cao hiệu quả hoạt động. Công nghệ hiện đại và số hoá không chỉ mang lại cơ hội cho sự phát triển kinh tế mà còn đặt ra yêu cầu cao hơn về việc làm và bảo đảm phúc lợi cho người lao động. Sự chuyển đổi này khiến nhiều lao động rơi vào tình trạng làm việc phi chính thức, những công việc mà người lao động ít được bảo vệ bởi các chính sách ASXH, dẫn đến nguy cơ thiếu an toàn trong cuộc sống.

Đồng thời, Việt Nam cũng đang trải qua quá trình già hóa dân số với tỷ lệ người cao tuổi dự kiến sẽ tăng mạnh trong những năm tới. Sự gia tăng của người cao tuổi kéo theo nhu cầu về dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là chăm sóc tại nhà và các dịch vụ y tế chuyên biệt. Điều này tạo ra áp lực lớn lên hệ thống ASXH, khi mà nguồn lực tài chính hạn chế



không đủ đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe và lương hưu cho một lượng lớn người cao tuổi.

Bên cạnh đó, tốc độ đô thị hoá đang diễn ra mạnh mẽ tại các địa phương trong cả nước, dẫn đến sự gia tăng dân số tại các thành phố lớn, các trung tâm đô thị của các địa phương, tạo ra áp lực lớn lên hạ tầng cơ sở, nhà ở và dịch vụ công cộng. Với sự gia tăng của lực lượng lao động tại các khu công nghiệp, nhu cầu về nhà ở xã hội ngày càng cao, đòi hỏi chính phủ cần có các chính sách ASXH phù hợp để hỗ trợ người dân.

Bối cảnh mới đặt ra những yêu cầu cấp thiết đối với hệ thống ASXH nước ta. Cụ thể:

Thứ nhất, yêu cầu về đảm bảo việc làm bền vững, nâng cao thu nhập cho người dân trong bối cảnh mới.

Thứ hai, yêu cầu về mở rộng và tiến tới bao phủ an sinh xã hội toàn dân, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau, trên cơ sở phát triển mạnh bảo hiểm xã hội và trợ giúp xã hội.

Thứ ba, yêu cầu về nâng cao chất lượng các dịch vụ ASXH để hệ thống ASXH đáp ứng được nhu cầu của người dân, đặc biệt là ở các vùng nông thôn, miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ tư, yêu cầu về khả năng thích ứng linh hoạt của hệ thống chính sách xã hội trong bối cảnh nhiều biến động khó lường.

Giải pháp hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam đến 2030

Nghị quyết số 42/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII đã đề ra mục tiêu tổng quát về xây dựng hệ thống chính sách xã hội theo hướng bền vững, tiến bộ, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Hoàn thiện chính sách an sinh xã hội đa dạng, đa tầng, toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; tạo cơ hội cho Nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về

y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Để đạt được các mục tiêu trên, một số giải pháp trọng tâm cần thực hiện gồm:

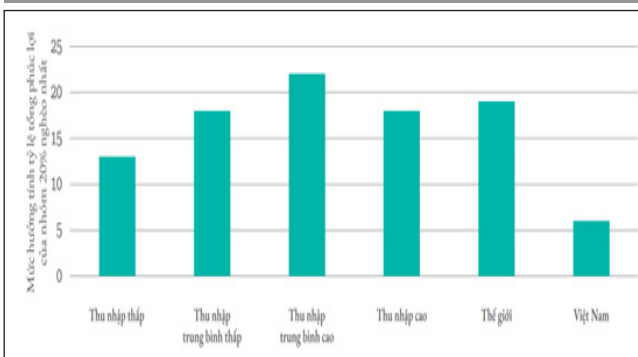
Một là, các chính sách phát triển kinh tế, xã hội nói chung và chính sách an sinh xã hội cần chú ý đến trọng tâm giải quyết vấn đề về bất bình đẳng giữa các nhóm người khác nhau ở các ngành nghề khác nhau, các vùng địa lý khác nhau. Các trụ cột an sinh xã hội như trợ cấp, bảo hiểm xã hội, hỗ trợ tạo việc làm và tự tìm việc làm, tăng cường tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho các nhóm yếu thế trong xã hội vẫn là những giải pháp trọng tâm để xây dựng và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội.

Hai là, mở rộng phạm vi bảo hiểm đến những nhóm người mới bị rơi vào tình trạng nghèo vì đại dịch COVID-19 và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong bối cảnh mới. Xây dựng mô hình an sinh xã hội bao phủ toàn dân và bảo đảm quyền tiếp cận an sinh cho mọi người sẽ là xu hướng chủ đạo trong quá trình phát triển lấy con người làm trung tâm và tiến tới công bằng xã hội của các quốc gia. ILO (2021) đã nhấn mạnh đây là một nhiệm vụ ưu tiên đối với an sinh xã hội thời gian tới để thực hiện thành công Chương trình nghị sự về phát triển bền vững đến năm 2030.

Ba là, đầu tư cho giáo dục, đào tạo để xây dựng lực lượng lao động có trình độ, kỹ năng đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay. Cũng giống như các quốc gia khác trên thế giới, Việt Nam cũng đang đứng trước thách thức về thất nghiệp cơ cấu do ảnh hưởng của Cách mạng công nghiệp 4.0. Việt Nam cần tập trung vào việc đào tạo và nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động để đáp ứng nhu cầu của thị trường trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0.

Bốn là, thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong quản lý xã hội và thực hiện các chính sách xã hội. Sử dụng các phần mềm quản lý dữ liệu giúp theo dõi và phân tích thông tin về người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và các dịch vụ xã hội khác. Điều này giúp cải thiện khả năng quản lý và cung cấp dịch vụ cho người dân. Công nghệ blockchain có thể được áp dụng để đảm bảo tính minh bạch và bảo mật trong quản lý dữ liệu an sinh xã hội. Điều này giúp ngăn chặn gian lận và đảm bảo rằng các khoản chi trả được thực hiện đúng đối tượng. Sử dụng dữ liệu lớn để phân tích nhu cầu và hành vi của người dân, từ đó điều chỉnh các chính sách an sinh xã hội cho phù hợp hơn. Việc này cũng giúp

HÌNH 2: TRỢ GIÚP XÃ HỘI CÁC HỘ GIA ĐÌNH TRONG NHÓM 20% NGHÈO NHẤT CỦA VIỆT NAM ĐƯỢC HƯỞNG SO VỚI MỨC TRUNG BÌNH CỦA CÁC NHÓM NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI



Nguồn: Ngân hàng Thế giới (2023)



phát hiện sớm các vấn đề tiềm ẩn trong hệ thống. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng cần chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng số bên cạnh việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, hỗ trợ các nhóm yếu thế tiếp cận và sử dụng các hạ tầng này để nâng cao nhận thức, năng lực làm việc và khả năng thích ứng với bối cảnh mới.

Năm là, khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi xanh, tạo thêm nhiều việc làm trong những ngành, lĩnh vực mới này. Cần có chính sách rõ ràng và đồng bộ để hỗ trợ phát triển kinh tế xanh, bao gồm cả quy định về bảo vệ môi trường và khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo. Việc đầu tư vào khoa học và công nghệ xanh, hiện đại sẽ giúp đất nước tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Điều này sẽ tạo ra một môi trường thuận lợi cho đầu tư và phát triển bền vững.

Sáu là, nghiên cứu các biện pháp đảm bảo tính bền vững của quỹ hưu trí trong xu hướng già hoá dân số. Có thể tham khảo nhiều chính sách của các quốc gia trên thế giới như gia tăng độ tuổi nghỉ hưu hoặc khuyến khích những người đã nghỉ hưu nhưng vẫn còn khả năng lao động tiếp tục làm việc, đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội và ứng phó với xu hướng già hoá trong tương lai.

Bảy là, tăng cường hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề xã hội mới phát sinh. Việc hợp tác với các tổ chức quốc tế cũng sẽ giúp Việt Nam thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ, phát triển sản xuất theo hướng xanh và hiện đại, tạo nhiều việc làm trong lĩnh vực này.

Tám là, tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh các chế độ BHXH để đảm bảo tính bền vững, hiệu quả của BHXH trong bối cảnh già hóa dân số và thực hiện mục tiêu xây dựng hệ thống BHXH đa dạng, đa tầng, linh hoạt, bền vững, hiện đại, hội nhập quốc tế. Trong đó, có một số vấn đề cần đặc biệt chú ý là vấn đề tuổi nghỉ hưu, thời gian đóng BHXH để hưởng lương hưu và khả năng cân đối quỹ BHXH trong dài hạn. Đồng thời, tăng cường đầu tư và nâng cao hiệu quả đầu tư quỹ BHXH, để nguồn tài chính trong quỹ được sử dụng hiệu quả, được đầu tư nhân lên, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý quỹ, cải thiện cân đối quỹ và có thể tăng mức độ thụ hưởng BHXH cho các đối tượng tham gia.

Chín là, đầu tư phát triển mạnh hệ thống y tế cơ sở, y tế cấp xã và cấp huyện theo hướng nâng cao chất lượng, thực hiện luân chuyển bác sĩ, chia sẻ tri thức, kinh nghiệm giữa các tuyến, kết hợp ứng dụng công nghệ trong khám, chữa bệnh, hội chẩn từ xa. Phát triển hệ thống y tế gia đình công lập trên cơ sở phát triển hệ thống y tế cơ sở, lấy hệ thống y tế cơ sở

làm nền tảng. Đồng thời, có cơ chế khuyến khích phát triển mô hình y tế gia đình ngoài công lập. Xây dựng các cơ chế ứng phó với các tình huống khẩn cấp về y tế, bao gồm cơ chế huy động nguồn lực (tài chính, nhân lực, vật lực...) từ ngân sách nhà nước, lực lượng vũ trang, khu vực công và toàn xã hội, đảm bảo có thể ứng phó nhanh chóng, hiệu quả, đồng thời tránh các rủi ro pháp lý cho các bên tham gia, đặc biệt là các cơ sở y tế, cán bộ y tế.

Mười là, tiếp tục chính sách về hỗ trợ nhà ở cho người nghèo, điều chỉnh mức hỗ trợ theo hệ số trượt giá; đảm bảo sự công bằng, công khai, dân chủ và đúng đối tượng. Bổ sung và hoàn thiện các cơ chế, chính sách để thu hút các chủ đầu tư tham gia; đơn giản hoá quy trình giải quyết thủ tục hành chính triển khai dự án. Sửa đổi các quy định về đầu tư, quy định trách nhiệm của doanh nghiệp và nhà đầu tư trong việc xây dựng nhà ở cho công nhân; tăng hỗ trợ trực tiếp cho người lao động từ quỹ hỗ trợ phát triển nhà ở. Ưu tiên, bố trí nguồn vốn ngân sách, trái phiếu chính phủ để phát triển quỹ nhà ở cho học sinh, sinh viên; xây dựng nhà ở với chi phí và nhu cầu của học sinh, sinh viên.

Tài liệu tham khảo:

1. Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam, "Chính thức hoá" lao động phi chính thức. <https://dangcongsan.vn/multimedia/mega-story/megastory-bai-3-chinh-thuc-hoa-lao-dong-phi-chinh-thuc-679321.html>;
2. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (2025), Quyết định số 217/QĐ-BLĐTBXH về Công bố kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025;
3. GSO (2024), Thông cáo báo chí kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2023, <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2024/04/thong-cao-bao-chi-ket-qua-khao-sat-muc-song-dan-cu-nam-2023/>;
4. GSO (2025), Thông cáo báo chí kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2024, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iv-va-nam-2024/>;
5. ILO (2023), Hệ thống hưu trí đa tầng ở Việt Nam: Đặc điểm và các phương án thiết kế. <https://www.ilo.org/vi/media/359281/download>;
6. Nhân dân (03/01/2025), Gần 43% lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, <https://nhandan.vn/gan-43-lao-dong-trong-do-tuoi-tham-gia-bao-hiem-xa-hoi-post854155.html>;
7. Từ Giang (23/4/2024), Tăng tính hấp dẫn, thu hút người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, <https://dangcongsan.vn/xa-hoi/tang-tinh-hap-dan-thu-hut-nguoi-dan-tham-gia-bao-hiem-xa-hoi-tu-nguyen-663689.html>;
8. Ngân hàng Thế giới (2023), Từ chặng đường cuối đến chặng đường kế tiếp - Đánh giá thực trạng nghèo và bình đẳng của Việt Nam năm 2022.

Thông tin tác giả:

PGS. TS. Bùi Văn Huyền, TS. Ngô Thị Ngọc Anh

Viện Kinh tế - Xã hội và Môi trường, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Email: ngocanhngo.npa@gmail.com; huyenqlkt@gmail.com